

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 06 năm 2017



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2-3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 34

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 48 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên
Ông Adrian Teng	Thành viên
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hùng Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngàn VND

Chi tiêu	Mã số	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 31/03/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	35.885.349.667	35.880.770.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	891.081.748	645.684.465
1. Tiền	111	888.081.748	644.684.465
2. Các khoản tương đương tiền	112	3.000.000	1.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	504.800.108	496.561.909
1. Chứng khoán kinh doanh	121	300.322.358	300.322.358
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	204.477.750	196.239.551
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6.309.184.009	5.918.610.671
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.951.123.603	2.007.056.991
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.708.808.934	3.351.759.871
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	98.871.171	5.064.848
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	568.351.147	572.626.695
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(20.232.737)	(20.268.606)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	2.261.890	2.370.872
IV. Hàng tồn kho	140	27.214.562.279	27.861.618.782
1. Hàng tồn kho	141	27.611.597.586	28.313.417.843
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(397.035.307)	(451.799.060)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	965.721.523	958.294.983
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	262.661.637	212.457.039
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	658.599.850	702.060.686
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	44.460.036	43.777.258
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	20.074.598.740	19.775.723.909
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	124.784.410	124.600.414
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	16.497.949	16.497.949
6. Phải thu dài hạn khác	216	108.461.461	108.277.465
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	(175.000)	(175.000)
II. Tài sản cố định	220	8.178.043.518	8.257.554.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.023.267.695	4.105.138.771
- Nguyên giá	222	7.113.016.138	6.993.875.895
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(3.089.748.442)	(2.888.737.124)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.154.775.822	4.152.415.983
- Nguyên giá	228	4.286.867.053	4.271.373.126
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(132.091.231)	(118.957.143)
III. Bất động sản đầu tư	230	382.840.220	366.040.793
- Nguyên giá	231	389.169.647	370.361.679
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(6.329.428)	(4.320.886)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.842.254.966	5.235.417.004
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.842.254.966	5.235.417.004
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	27.217.810	27.159.479
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.697.810	6.639.479
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	62.500.369	62.500.369
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(41.980.369)	(41.980.369)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	5.519.457.817	5.764.951.466
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	462.532.628	463.944.596
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	18.697.896	30.011.542
V. Lợi thế thương mại	269	5.038.227.293	5.270.995.329
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	55.959.948.407	55.656.494.719

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngân VND

Chi tiêu	Mã số	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 31/03/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	31.892.334.343	31.476.481.212
I. Nợ ngắn hạn	310	27.261.093.890	27.566.621.734
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.656.671.187	6.153.057.586
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.560.339.177	4.490.990.923
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	704.100.198	708.192.128
4. Phải trả người lao động	314	41.789.652	49.231.318
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	454.586.016	368.098.020
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.436.930	4.084.862
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	188.623.100	180.541.322
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14.568.440.651	15.528.774.749
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	73.045.656	81.051.826
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	8.061.322	2.599.000
II. Nợ dài hạn	330	4.631.240.454	3.909.859.478
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	40.718
7. Phải trả dài hạn khác	337	10.837.986	10.837.986
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.251.958.367	3.501.256.282
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	350.273.700	378.868.209
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18.170.400	18.856.284
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	24.067.614.063	24.180.013.507
I. Vốn chủ sở hữu	410	24.067.614.063	24.180.013.507
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.145.000.000	4.145.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	4.145.000.000	4.145.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2.998.618.837	2.998.618.837
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	15.799.800	5.212.200
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(6.840.000)	(6.840.000)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	946.666	1.012.159
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	16.165.043.820	16.243.316.692
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	13.734.868.837	14.988.553.611
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	2.430.174.983	1.254.763.081
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	749.044.939	793.693.619
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	55.959.948.407	55.656.494.719

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Minh
Tổng giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngân VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý II.2017	Quý II.2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12.748.770.862	14.722.610.287
2. Các khoản giảm trừ	02	14.290.233	(73.009.013)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	12.734.480.630	14.795.619.300
4. Giá vốn hàng bán	11	10.386.116.389	11.686.844.563
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.348.364.241	3.108.774.736
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	85.859.441	99.079.455
7. Chi phí tài chính	22	187.864.774	488.560.050
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	159.873.675	137.350.049
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	58.331	36.347
9. Chi phí bán hàng	25	446.565.644	362.621.903
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	494.979.590	257.464.426
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.304.872.004	2.099.244.159
12. Thu nhập khác	31	57.498.986	36.753.851
13. Chi phí khác	32	72.861.524	14.028.490
14. Lợi nhuận khác	40	(15.362.538)	22.725.360
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.289.509.467	2.121.969.520
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	111.908.898	141.461.373
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(17.280.863)	17.240.282
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.194.881.432	1.963.267.865
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	1.181.928.739	1.943.468.623
20. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62	12.952.693	19.799.242
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.853	4.691


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Minh
Tổng giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý II.2017	Quý II.2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.289.509.467	2.121.969.520
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	457.743.684	200.330.000
- Các khoản dự phòng	03	(62.804.227)	62.602.851
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	04	(28.230.645)	253.442.371
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	28.854.286	20.242.088
- Chi phí lãi vay	06	156.023.733	137.350.049
- Các khoản điều chỉnh khác	07	1.598.390	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.842.694.688	2.795.936.878
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(516.253.779)	4.213.259.907
-Tăng giảm hàng tồn kho	10	285.856.181	(1.125.338.210)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	770.855.721	(1.400.406.625)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(103.492.073)	91.915.213
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(135.706.674)	(153.661.547)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(141.350.778)	(64.425.5910)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	704.539.321	(12.500.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(70.738.156)	(12.343)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.636.404.451	4.344.767.682
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(393.561.301)	(1.205.468.472)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	40.780	2.060.716
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(94.420.336)	(612.422)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	3.533.211
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.004.644.0000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.829.212	749.991

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngân VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý II.2017	Quý II.2016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(484.111.645)	(6.204.380.976)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.241.531.021	14.093.410.517
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.889.028.815)	(11.300.720.737)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.259.346.393)	(1.241.960.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.906.844.187)	1.550.729.369
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	245.448.619	(308.883.924)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	645.684.465	990.693.626
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(51.336)	612.840
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	891.081.748	682.422.541


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Minh
Tổng giám đốc

Ngày 20 tháng 7 năm 2017